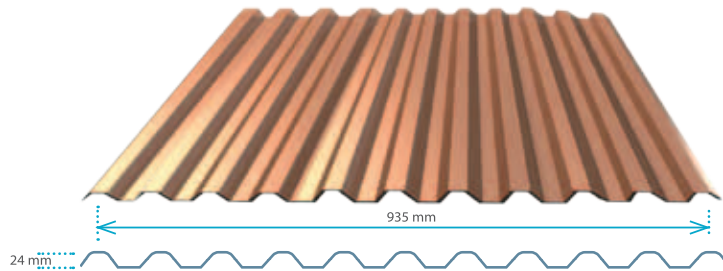




LYSAGHT® SPANDEK® OPTIMA®



LYSAGHT® SPANDEK® OPTIMA® có biên dạng sóng hình thang, kiểu dáng hiện đại, lý tưởng cho các công trình đòi hỏi kiến trúc gọn sóng hiện đại, mạnh mẽ và chắc chắn.

QUY ĐỊNH KỸ THUẬT CỦA VẬT LIỆU

Chiều dày kim loại nền (BMT) là: 0,35; 0,40 hoặc 0,48mm.
Thép mạ hợp kim nhôm kẽm ZINCALUME® theo tiêu chuẩn của Úc AS-1397 - 2001 G550, AZ150 (với ứng suất giới hạn chảy tối thiểu 550MPa, trọng lượng lớp mạ tối thiểu 150g/m²);
Thép Clean COLORBOND® theo tiêu chuẩn của Úc AS/NZS2728:1997, với các dòng sản phẩm:

- Thép Clean COLORBOND® XRW dành cho những công trình đòi hỏi kiến trúc hiện đại, thẩm mỹ và độ bền màu cao.
- Thép Clean COLORBOND® ULTRA được khuyến dùng trong môi trường vùng ven biển hoặc môi trường công nghiệp.
- Thép Clean COLORBOND® XPD được sử dụng cho những công trình yêu cầu về độ bền màu và độ bóng.
- Thép Clean COLORBOND® XPD Pearlescent có chất lượng thẩm mỹ ưu việt nhờ ánh kim loại vĩnh cửu mà vẫn duy trì độ bền màu cho công trình.

Thép Apex® theo tiêu chuẩn TCVN 7471 : 2005 G550 AZ100 (với ứng suất giới hạn chảy tối thiểu 550 MPa, trọng lượng lớp mạ tối thiểu 100g/m²).

LYSAGHT® SPANDEK® OPTIMA® is a contemporary - looking, trapezoidal profile which is ideal where a stronger, bolder, more modern corrugated appearance is required.

MATERIAL SPECIFICATIONS

The base metal thickness (BMT) is 0.35, 0.40 or 0.48mm.
ZINCALUME® aluminium/zinc alloy-coated steel complying with AS-1397- 2001 G550, AZ150 (550MPa minimum yield stress, 150g/m² minimum coating mass);

The Clean COLORBOND® steel complies with AS/NZS2728:1997, offering extensive ranges at pre-painted steel:

- Clean COLORBOND® XRW steel is intended for buildings that last longer and look better.
- Clean COLORBOND® ULTRA is recommended for severe coastal or industrial environments.
- Clean COLORBOND® XPD steel provides premium color durability, excellent weather ability and formability.
- Clean COLORBOND® XPD Pearlescent provides superior aesthetic qualities with subtle yet dramatic effects and endless nuances.

Apex® steel complying with TCVN 7471 : 2005, G550 AZ100 (550 MPa minimum yield strength: 100g/m² minimum Coating Mass).

Hoàn chỉnh / Finishes	Chiều dày thép nền / Base Metal Thickness - BMT (mm)	kg/m ²
Thép ZINCALUME® / ZINCALUME® steel	0.35	3.80
Thép Clean COLORBOND® / Clean COLORBOND® XRW steel	0.35	3.88
Thép Apex®/Apex® steel	0.35	3.77
Thép ZINCALUME® / ZINCALUME® steel	0.40	4.31
Thép Clean COLORBOND® / Clean COLORBOND® XRW steel	0.40	4.40
Thép Apex®/Apex® steel	0.40	4.28
Thép ZINCALUME® / ZINCALUME® steel	0.48	5.13
Thép Clean COLORBOND® / Clean COLORBOND® XRW steel	0.48	5.21
Thép Apex®/Apex® steel	0.48	5.00

NHỊP RỘNG HƠN **HIỆU QUẢ HƠN**

LYSAGHT

TÍNH CHẤT VẬT LÝ CỦA LYSAGHT® SPANDEK® OPTIMA®
Physical properties of LYSAGHT® SPANDEK® OPTIMA®

Mác thép Steel Grade (MPa)	G550 (550MPa ứng suất chảy tối thiểu) (550MPa minimum yield stress)
Chiều rộng hữu dụng Effective Width of Coverage	935mm
Chiều cao sóng của tấm lợp Depth of Rib	24mm
Độ dốc mái tối thiểu đề nghị Minium Recommended Roof Pitch	2° (1 in 30)
Chiều dày thép nền Base Metal Thickness	0.35; 0.40, 0.48mm

HOẠT ĐỘNG / Performance
KHOẢNG CÁCH ĐÒN TAY TỐI ĐA / Maximum support spacing

LYSAGHT® SPANDEK® OPTIMA®			
LOẠI NHỊP / TYPE OF SPAN	BMT (mm)		
	0.35	0.40	0.48
Tấm lợp mái / Roofs			
Nhịp đơn / Single span	975	1330	2200
Nhịp cuối / End span	1225	1880	2400
Nhịp giữa / Internal span	1300	2010	3300
Nhịp hẫng không cần gia cường / Unstiffened overhang	150	150	250
Nhịp hẫng cần gia cường / Stiffened overhang	250	300	550
Tấm lợp vách / Walls			
Nhịp đơn / Single span	2100	2180	2300
Nhịp cuối / End span	2600	2990	3200
Nhịp giữa / Internal span	3300	3300	3300
Nhịp hẫng / Overhang	150	150	150

LIÊN KẾT VÍT- TẤM LỢP / Fasteners			
	Liên kết vào thép Chiều dày đến 0.75mm BMT Fixing to steel up to 0.75mm BMT	Liên kết vào thép Chiều dày từ >0.75mm - 3mm BMT Fixing to steel >0.75mm to 3mm BMT	Liên kết vào gỗ Fixing to timber
Liên kết vít tại đỉnh tôn Crest fixed	Vít đầu lục giác, tự khoan gioăng EPDM theo tiêu chuẩn Class 3 AS3566 Class 3 AS3566, Hex flange washer head Self-Drilling Fasteners with non-conductive EPDM Seal A3T 12 - 11 x 65 DGS	Vít đầu lục giác, tự khoan gioăng EPDM theo tiêu chuẩn Class 3 AS3566 Self drilling screws with hex, washer-head, EPDM Seal A3 12 - 14 x 65 DGS	Vít đầu lục giác số 17, tự khoan gioăng EPDM theo tiêu chuẩn Class 3 AS3566 AS3566 Class 3, Type 17 Hex flange washer head with non-conductive EPDM Seal A3T 12 - 11 x 50 DGS (without insulation) A3T 12 - 11 x 65 DGS (with insulation)
Liên kết vít tại sóng thung lũng tôn Valley fixed	A3 12 - 14 x 20	A3 12 - 14 x 20	A3T 10 - 12 x 25
Mối nối biên Sidelap	A3 12 - 15 x 20	Không áp dụng / Not required for this thickness	A3T 10 - 12 x 25

► Ghi chú: Vít phù hợp tiêu chuẩn Úc AS - 3566 Class 3

► Note: Screws comply to AS - 3566 Class 3

LIÊN KẾT VÍT

LYSAGHT® SPANDEK® OPTIMA® yêu cầu 5 vít cho mỗi tấm lợp trên đòn tay theo minh họa bên dưới.

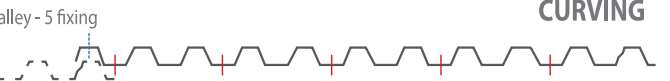
Roof - Screw fix through rib



FASTENERS

LYSAGHT® SPANDEK® OPTIMA® requires 5 fasteners per sheet per support as shown below.

Wall - Screw fix through pan



BÁN KÍNH ĐỀ NGHỊ CHO MÁI CONG TỰ NHIÊN VÀ TIỀN MÁI CONG / Recommended Radius For Pre-curved & Spring-curved											
Tiền Mái Cong/Pre-curved (Cong lõm/Convex)			Tiền Mái Cong/Pre-curved (Cong lõm/Convex)			Mái cong tự nhiên/Spring-curved (Cong lõm/Convex)			Mái cong tự nhiên/Spring-curved (Cong lõm/Convex)		
Rmin (m)	Max length (m)	Max curved height (m)	Rmin (m)	Max length (m)	Max curved height (m)	Rmin (m) (0.35mm BMT)	Rmin (m) (0.40mm BMT)	Rmin (m) (0.48mm BMT)	Rmin (m) (0.35mm BMT)	Rmin (m) (0.40mm BMT)	Rmin (m) (0.48mm BMT)
0.4	10	2	Không đề nghị / Not recommended			40	45	50	35	40	45

Vui lòng liên hệ với văn phòng bán hàng gần nhất để được tham vấn về thiết kế mái cong.

Please contact your nearest NS Bluescope Lysaght office spring curving advice.

CÔNG TY TNHH NS BLUESCOPE LYSAGHT VIỆT NAM

TP. HỒ CHÍ MINH	Tầng 9, Tòa Nhà Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
HÀ NỘI	Tầng 12, Tòa Nhà TungShing, 02 Ngõ Quyền, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
CẦN THƠ	Tầng 7, Tòa Nhà Sacombank, 95-97-99 Võ Văn Tần, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
ĐÀ NẴNG	Tầng 5, Tòa Nhà Indochina Riverside, 74 Bạch Đằng, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Tel : 08. 3 821 0121	Fax : 08. 3 821 0120
Tel : 04. 3 935 0976	Fax : 04. 3 935 0974
Tel : 0710. 383 9461	Fax : 0710. 383 9497
Tel : 0511. 358 4112	Fax : 0511. 358 4116

